CAGIPHARM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Địa chỉ : Lầu 2, khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3.979.8750 Fax: (028) 3.979.8753

Website : www.cagipharm.com.vn

Email : cagipharm@cagipharm.com.vn

CAGIPHARM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Địa chỉ : Lầu 2, khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3.979.8750 Fax: (028) 3.979.8753

Website : www.cagipharm.com.vn

Email : cagipharm@cagipharm.com.vn

CAGIPHARM

MỤC LỤC

---oOo----

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin khái quát.
2. Quá trình hình thành và phát triển.
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
5. Định hướng phát triển.
6. Các rủi ro kinh doanh.

II. NHÂN SỰ

1. Hội đồng Quản trị.
2. Ban điều hành.
3. Ban kiểm soát.
4. Thống kê nhân sự.
5. Chính sách đối với người lao động.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018.

1. Tổ chức của Hội đồng Quản trị.
2. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị.
3. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
4. Thực hiện tái cấu trúc Công ty.
5. Tình hình cổ đông.
6. Tình hình tài chính thời điểm 31/12/2018.
7. Công bố thông tin.
8. Giao dịch các bên liên quan.

A.2 Định hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019.

A.3 Kết luận.

B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm tình hình.
2. Kết quả sản xuất & kinh doanh năm 2018.
3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.
4. Một số kết quả khác.
5. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2019.

6. Những định hướng của Công ty Cagipharm sau khi cổ phần Công ty Uspharma.
7. Kết luận.

C. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
4. Về công tác tài chính kế toán.
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018.
6. Tình hình tài chính năm 2018.
7. Kết luận.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

1. Cổ phần.
2. Cơ cấu cổ đông.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Cần Giờ
- Tên giao dịch : CAGIPHARM
- Giấy CNĐKKD : Số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 vào ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Vốn điều lệ : 110.000.000.000 đồng.
- Vốn góp thực tế của Công ty : 107.357.080.000 đồng.
- Địa chỉ : Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Logo : CAGIPHARM
- Số điện thoại : (028) 3.979.8750 – 3.979.8751 – 3.979.8752
- Số fax : (028) 3.979.8753
- Website : cagipharm@cagipharm.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có) : **CGP**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Cagipharm được thành lập năm 1982, tiền thân là Hiệu thuốc huyện Duyên Hải trực thuộc Công ty Dược cấp II (nay là Công ty Dược phẩm TP. Hồ Chí Minh — Sapharco). Theo quyết định số 0302664945 cấp ngày 31 tháng 07 năm 2002, số ĐKKD: 4103001125, Công ty được chính thức cổ phần hóa với:
  - Tên gọi là: Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
  - Tên giao dịch là: CANGIO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
  - Tên viết tắt là: CAGIPHARM
- Hoạt động kinh doanh của Cagipharm hiện nay là:
  - Kinh doanh dược phẩm sản xuất tại nhà máy Công ty Cổ phần US Pharma USA tiêu chuẩn WHO - GMP
  - Kinh doanh dược phẩm nhập khẩu
- Nhà máy Cagipharm tiêu chuẩn WHO - GMP đặt tại khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi TP. Hồ Chí Minh có 3 phân xưởng: phân xưởng thuốc Non-Betalactam, phân xưởng thuốc uống Cephalosporin và phân xưởng thuốc tiêm bột Cephalosporin. Nhà máy có công suất lắp đặt 400 triệu sản phẩm/năm với các dây chuyền sản xuất: viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nang, viên nén sủi bọt, viên nang mềm, thuốc bột gói, thuốc kem mỡ, thuốc nước, thuốc tiêm bột.

- Dù mới đi vào hoạt động từ đầu năm 2008, danh mục sản phẩm thuốc của nhà máy đến nay bao gồm hơn 180 loại sản phẩm. Các sản phẩm dạng viên nang mềm, viên nén sủi bọt, và nhất là thuốc gói bột cho trẻ em được khách hàng trên toàn quốc tín nhiệm và ủng hộ.
- Cùng với việc kinh doanh thuốc do nhà máy sản xuất, Cagipharm vẫn tiếp tục kinh doanh thuốc nhập khẩu. Hơn 25 năm hoạt động, Cagipharm đã trở nên quen thuộc. Bên cạnh đó sản phẩm thực phẩm chức năng với mẫu mã đẹp, chất lượng đảm bảo đang được người tiêu dùng cả nước lựa chọn.
- Ngoài trụ sở chính đóng tại thành phố Hồ Chí Minh, Cagipharm còn có các đại lý tại thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ để phân phối thuận tiện hơn các sản phẩm đến các cơ sở y tế, các nhà thuốc và người tiêu dùng. Nhà máy sản xuất thuốc USPharma WHO - GMP phân xưởng sản xuất thực phẩm chức năng đạt USA FDA với thiết bị hiện đại, lực lượng sản xuất có nhiều kinh nghiệm, giá cả hợp lý, chúng tôi đã và đang nhận được sự ủng hộ rất lớn từ các đơn vị trong và ngoài nước đặt gia công sản xuất và phân phối thuốc. Với phương châm ***"Hỗ trợ điều trị, Hợp tác thành công"*** Cagipharm luôn cải tiến và đổi mới để mang đến những sản phẩm đạt chất lượng và những dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng và các đối tác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh).
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết : sản xuất dược phẩm).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm, không bán buôn tại trụ sở).
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Chi tiết: sản xuất trang thiết bị y tế, trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa các thành phần hoóc môn, không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn hóa chất, trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: kinh doanh bất động sản).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác.
- Cho thuê xe có động cơ.

❖ **Địa bàn kinh doanh**

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy sản xuất tại Lô B1-10 Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, Tân An Hội, Củ Chi, TP.HCM.
- Địa bàn kinh doanh rộng khắp cả nước, ngoài ra Công ty còn mở rộng thị trường xuất bán hàng sang Campuchia, Lào....
- Tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh Công ty có 03 địa điểm kinh doanh bán hàng gồm:
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 1: Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 2: Gian hàng F16 – Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 3: 64 Đường Duyên Hải, Khu phố Phong Thạnh, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngoài hệ thống nói trên Công ty còn có các đại lý, hiệu thuốc bán lẻ tại những vùng kinh tế, khu vực trên toàn quốc.
- Ngoài ra còn có 01 Công ty con: Công ty Cổ phần US Pharma USA.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ **Mô hình quản trị**

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

❖ **Công ty con**

Công ty Cổ phần US Pharma USA

- Địa chỉ: Lô B1-10, KCN Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân Hội An, H.Củ Chi, Tp.HCM.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310976553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/07/2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/12/2018.
- Vốn điều lệ đăng ký: 175.000.000.000 đồng.
- Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018: 161.409.440.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 66,91%.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thuốc, sản xuất nước khoáng, nước uống đóng chai, sản xuất thực phẩm chức năng, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, bán buôn thực phẩm chức năng, đồ ăn dinh dưỡng.

❖ **Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty con**

Đvt: Triệu đồng

Tên Công ty	Doanh thu năm 2017	Doanh thu năm 2018	LNST năm 2017	LNST năm 2018	LNST/Doanh thu năm 2018	Tăng trưởng doanh thu năm 2018 so với năm 2017
Công ty Cổ phần US Pharma USA	440.741	417.622	1.449	2.154	0,52%	94,75%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

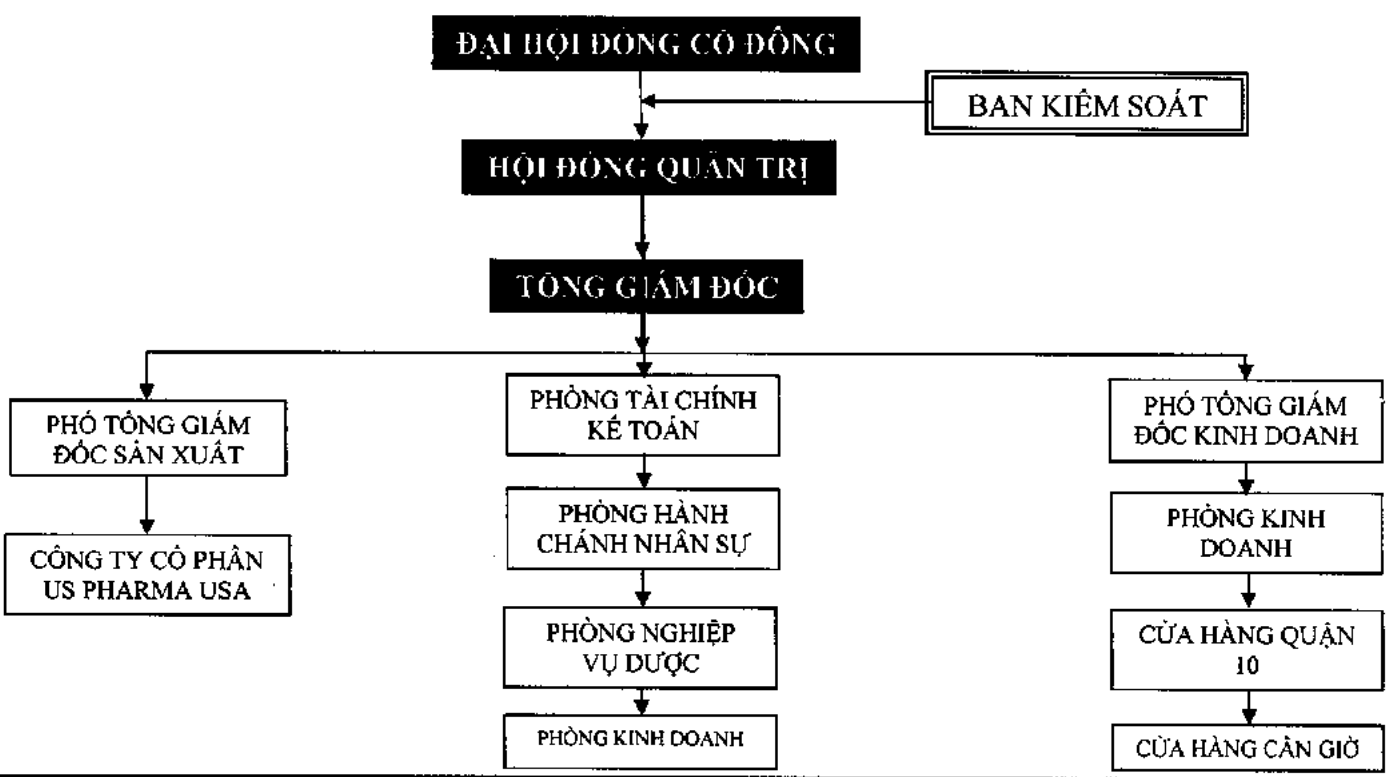

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhiệm vụ chiến lược xây dựng Công ty trở thành một trong những Công ty dược phẩm phát triển vững mạnh, nổi bật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược thực phẩm. Cam kết tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

1. Xây dựng nhà máy mới, đạt chuẩn GMP PIC/s, GMP – EU
2. Bổ sung thêm một số phân xưởng Betalactam, Thực phẩm chức năng đạt chuẩn GMP

Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Về môi trường: nghiêm túc thực hiện các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh chất lượng sản phẩm, nâng cao công tác quản lý, giám sát, thực hiện sản xuất xanh, sạch, môi trường làm việc an toàn.

Đối với xã hội và cộng đồng: thường xuyên tham gia ủng hộ và hưởng ứng tích cực các phong trào xã hội từ thiện, giáo dục….thể hiện trách nhiệm của Công ty với cộng đồng.

6. Các rủi ro kinh doanh

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	Các thông tư, nghị định của cơ quan quản lý, các quy định về tái cấp số visa thuốc, quy định về qui trình sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, quản lý giá bán…..	Công ty chủ động cơ cấu danh mục sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cao.
Rủi ro giá đầu vào	Giá cả các nguyên liệu vật liệu chính nhập khẩu không ổn định, tỷ giá ngoại tệ biến động…. và chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng đến vấn đề kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.	Công ty chủ động tìm các đối tác có nguồn cung ổn định và dồi dào nhằm tránh rủi ro về biến động giá nguyên liệu.
Rủi ro về tỷ giá	Tỷ giá ngoại tệ trong năm có biến động lớn, 95% nguyên liệu đầu vào của Công ty phải nhập khẩu, nên biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.	Chủ động trong việc dự báo tỷ giá, đồng thời xây dựng mối quan hệ với các ngân hàng nhằm được giải ngân nhanh chóng nguồn ngoại tệ khi cần thiết.

Rủi ro về lãi suất	Khoản nợ gốc của Công ty tại các ngân hàng trên 76 tỷ đồng. Lãi suất cho vay của ngân hàng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	Công ty luôn cố gắng chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay có lãi suất ưu đãi, cố gắng giảm thiểu việc đi vay nhằm hạn chế rủi ro phát sinh từ việc trả lãi, chủ động và linh hoạt trong việc quay vòng vốn sản xuất, tránh bị động về nguồn vốn.
Rủi ro về các khoản phải trả	Khoản nợ phải trả của Công ty rất lớn, hiện tại các khoản nợ đã được các ngân hàng và tổ chức cơ cấu phải trả từng quý, từng năm. Khoản nợ phải trả ngày càng lớn dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh.	Công ty luôn cố gắng chủ động, quay vòng vốn sản xuất, tránh bị động về nguồn vốn.

II. NHÂN SỰ

1. Hội đồng Quản trị

- Là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Luật pháp và điều lệ Công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 05 thành viên, thành viên Hội đồng Quản trị tính từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2018:

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Cung	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Dương Minh Dũng	Thành viên HĐQT
4	Ông Ngô Phi Hậu	Thành viên HĐQT
5	Ông Hoàng Mầng	Thành viên HĐQT

2. Ban điều hành

- Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty cổ phần.
- Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 03 thành viên, danh sách các thành viên Ban điều hành:

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Phi Hậu	Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách sản xuất
3	Bà Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách kinh doanh

3. Ban kiểm soát

- Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 03 thành viên, danh sách các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 30/07/2016 đến ngày 31/12/2018 gồm:

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Công Triết	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Bích Loan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Phan Thị Ánh	Thành viên Ban kiểm soát

4. Thống kê nhân sự

- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 395 người (bao gồm cả Công ty Cổ phần US Pharma USA). Trong đó cơ cấu như sau:

Tình hình lao động tại thời điểm 31/12/2018

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Trên đại học và đại học	89	22,53%
Trình độ cao đẳng, trung cấp	168	42,53%
Đã qua đào tạo tại các trường dạy nghề	11	2,78%
Khác	127	32,15%
Tổng cộng	**395**	**100%**

5. Chính sách đối với người lao động

- Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

❖ **Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc:
  - Đối với nhân viên khối hành chính gián tiếp thì thời gian làm việc không quá 8h/ngày và 48h/tuần, làm việc từ 8h00 đến 12h00 và 13h đến 17h00.
  - Đối với nhân viên khối trực tiếp thì thời gian làm việc theo ca theo quy định pháp luật hiện hành.
- Nghỉ phép, lễ, tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc; cụ thể: Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách phát triển nguồn nhân lực**

- Công ty luôn quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động, có năng lực, có chuyên môn cao.
- Công tác tuyển dụng luôn được Công ty quan tâm và xem là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu giúp tổ chức có được lực lượng lao động giỏi. Với hệ thống các tiêu chí và yêu cầu cụ thể cho từng chức danh, Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng trong các năm qua.

- Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên theo nhiều hình thức đào tạo.
- Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, từng bước tạo dựng văn hóa doanh nghiệp. Đến nay Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ nhân viên trẻ, lành nghề, có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động và chuyên nghiệp được các khách hàng đánh giá cao.

❖ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

- Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sang kiến cải tiến trong công việc để nâng cao thu nhập, tạo sự an tâm, gắn bó và nâng cao mức độ hài lòng của người lao động. Trong đó, tiền lương là một trong những chính sách quan trọng được Công ty đặc biệt quan tâm, điển hình như:
  - Khối quản lý: hưởng lương thời gian theo từng chức danh công việc.
  - Khối kinh doanh: hưởng lương theo doanh số.
  - Khối trực tiếp sản xuất: hưởng lương theo sản phẩm.
- Khối sản xuất: người lao động trực tiếp sản xuất được hưởng lương theo sản phẩm trên chính kết quả lao động của mình. Thời giờ làm việc tại Công ty và việc thanh toán chế độ làm ngoài giờ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật lao động.
- Ngoài tiền lương, chế độ khen thưởng cũng là vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm. Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên trong năm, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: thưởng tháng lương 13, thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban có thành tích xuất sắc,...
- Về chế độ bảo hiểm: Công ty thực hiện nghiêm túc việc đóng BHYT, BHXH, BHTN... cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018

1. Tổ chức của Hội đồng Quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thực hiện quy chế làm việc và theo Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH HĐQT	NHIỆM VỤ
1	Bà Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch	Phụ trách chung, tài chính
2	Ông Trần Cung	Phó Chủ tịch	Tổng giám đốc Cagipharm
3	Ông Ngô Phi Hậu	Ủy viên	Giám đốc điều hành Uspharma
4	Ông Dương Minh Dũng	Ủy viên	Chủ tịch Uspharma thôi giữ chức từ ngày 24/08/2018.
5	Ông Hoàng Mầng	Ủy viên	Phụ trách chuyên môn dược

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 11 phiên họp định kỳ và không định kỳ; ban hành 09 Nghị quyết, tập trung chủ yếu vào các nội dung liên quan đến hoạt động điều hành phù hợp với tình hình thị trường, công tác quản trị Công ty, công tác cổ phần Công ty TNHH US Pharma USA (Uspharma), tái cấu trúc Cagipharm nhằm mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã đề ra.
- Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên tại các cuộc họp HĐQT như sau:

Thành viên	*Chức danh*	*Số buổi tham dự họp*	*Tỷ lệ*
Bà Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch	11/11	100%
Ông Trần Cung	Phó Chủ tịch	11/11	100%
Ông Ngô Phi Hậu	Ủy viên	11/11	100%
Ông Dương Minh Dũng	Ủy viên	11/11	100%
Ông Hoàng Mầng	Ủy viên	11/11	100%

- Hội đồng Quản trị đã phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty theo nhiệm vụ cụ thể của các bên trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo sự phát triển của Công ty và lợi ích của các cổ đông. Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các Nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị, thực hiện quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%Thực hiện/Kế hoạch 2018
1	Doanh thu bán hàng hợp nhất	430.168.515.000	436.212.971.431	101,4%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	33.995.086.522	22.754.938.214	66,9%

- Năm 2018, Doanh thu bán hàng hợp nhất đạt 101,4% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất thực đạt 66,9% so với kế hoạch năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 66,9% so với kế hoạch do trong năm 2018 Công ty có xử lý tồn đọng cũ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 8.671.546.153 đồng. Trường hợp không xử lý tồn đọng cũ trong năm 2018 thì Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 92,4% so với kế hoạch.

4. Thực hiện tái cấu trúc Công ty

- Thực hiện xong cổ phần Uspharma.
- Hoàn thành việc phát hành tăng vốn Công ty Cổ phần US pharma USA từ 108,3 tỷ lên 175 tỷ. Công ty chưa thực hiên được kế hoạch phát hành tăng vốn 9 triệu cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra. Nguyên nhân, cổ đông không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền mua, cán bộ công nhân viên (CB-CNV) cũng không đăng ký hết số cổ phần được phép mua. HĐQT đã quyết định bán đấu giá ***3.335.000 cổ phần, tỷ lệ 19,06% vốn điều lệ Uspharma. Việc quyết định này nhằm mục đích huy động đủ vốn trả BIDV và cũng để đảm bảo khả năng huy động vốn là thành công.***
- Ngày 01/03/2019, Uspharma đã tổ chức Đại hội cổ đông lần 1 theo cơ cấu vốn cổ đông mới.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý chuyển cổ đông sang Công ty Cổ phần US pharma USA. Đây cũng là việc HĐQT chưa thực hiện được việc chuyển cổ đông Cagipharm sang Uspharma. Việc chậm trễ này là do vướng về luật thuế.
- Tiếp tục xây dựng phương án tái cấu trúc Cagipharm.

5. Tình hình cổ đông

- Đến ngày 05/03/2019 chốt danh sách để đại hội cổ đông, Công ty có 1.178 cổ đông, trong đó:
  - Cổ đông trong nước: 1.173 cổ đông.

- Cổ đông nước ngoài: 05 cổ đông.

- Để thực hiện được phương án cổ phần Uspharma, Công ty cũng còn phải đối mặt với rất nhiều rủi ro, Hội đồng Quản trị rất mong nhận được góp ý chân thành từ phía cổ đông.

6. Tình hình tài chính thời điểm 31/12/2018

- Về tài sản: Tổng tài sản là: 343 tỷ đồng (Tăng 8% so với năm 2017), trong đó tài sản ngắn hạn là 285 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 58 tỷ đồng.
- Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn là: 343 tỷ đồng (Tăng 8% so với năm 2017), trong đó nợ ngắn hạn là 210 tỷ đồng, nợ dài hạn là 35 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu là 98 tỷ đồng.
- Một số chỉ số tài chính:
  - Tài sản dài hạn / tổng tài sản: 17%.
  - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản: 83%.
  - Nợ phải trả / tổng nguồn vốn: 71%.
  - Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn: 29%.

7. Công bố thông tin

- Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo và công bố thông tin doanh nghiệp theo qui định của Công ty Đại chúng.

8. Giao dịch các bên liên quan

- Giao dịch của các bên liên quan được trình bày tại mục VIII khoản 03 Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018 và mục IV Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ.
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Tóm lại, năm 2018, HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

A.2 Định hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu đã đề ra, năm 2019, Hội đồng Quản trị định hướng các hoạt động như sau:

1. Chuyển cổ đông sang Uspharma (dự kiến ngày 30/09/2019 hoàn thành chuyển đổi), thực hiện tái cấu trúc Công ty Cagipharm.
2. Thành lập ban tái cấu trúc Công ty Cagipharm.

3. Duy trì hoạt động của Công ty Cagipharm trong khi chờ tái cấu trúc với các chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 09 tháng năm 2019	Thực hiện năm 2018	%Kế hoạch 09 tháng năm 2019/Thực hiện năm 2018
1	Doanh thu bán hàng hợp nhất	328.578.573.699	436.212.971.431	-24,7%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	26.908.544.941	22.754.938.214	+18,3%

A.3 Kết luận

- Năm 2018 đã qua, mặc dù vẫn chưa hết khó khăn, nhưng với nỗ lực của Hội đồng Quản trị và toàn thể CB-CNV Công ty đã vượt qua nhiều thách thức, khó khăn để có được kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch như trên. Đây chính là động lực rất lớn cho chúng tôi tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.
- Hội đồng Quản trị xin chân thành cám ơn Quý Cổ đông cùng toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma đã luôn tin tưởng và sát cánh cùng chúng tôi trong mọi hoạt động.
- Để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, Hội đồng Quản trị rất mong tiếp tục nhận được sự chia sẻ và ủng hộ của Quý Cổ đông nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ cho những năm tiếp theo.

B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm tình hình

a. Khó khăn

- Tình hình vốn cũng chưa cải thiện được nhiều, Công ty và nhà máy vẫn hoạt động trên dòng tiền tạm ứng của khách mua hàng, mua nợ nguyên vật liệu bao bì …
- Thị trường cạnh tranh gay gắt hơn vì nhiều nhà máy ra đời, sản phẩm tương đồng.

b. Thuận lợi

- Cổ đông và khách hàng vẫn ủng hộ và tin tưởng vào sự phát triển trong tương lai.
- Thương hiệu Uspharma dần dần tạo được chỗ đứng trên thị trường.

- Bán hàng thu nợ nhanh quay vòng vốn liên tục.
- Các đối tác tin tưởng cho Uspharma gối đầu các khoản cung ứng nguyên vật liệu, bao bì phục vụ cho sản xuất.

Với những khó khăn và thuận lợi như trên Ban Điều hành và toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma đã nỗ lực 100% thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Với quyết tâm cao, đoàn kết vượt qua mọi thử thách, năm 2018 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

2. Kết quả sản xuất & kinh doanh năm 2018

a. Kết quả sản xuất

Non betalactam	Đã sản xuất 530.295.000 đơn vị sản phẩm	**Đã sản xuất 527.419.000 đơn vị sản phẩm**	-0,54%
Cephalosporin	Đã sản xuất 160.724.000 đơn vị sản phẩm	**Đã sản xuất 117.863.000 đơn vị sản phẩm**	-26,67%

b. Kết quả kinh doanh

Doanh thu bán hàng hợp nhất	460.709.719.035	436.212.971.431	430.168.515.000	94,7%	101,4%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	33.992.782.689	22.754.938.214	33.995.086.522	66,9%	66,9%

3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ xin công bố thông tin, giải trình đối với ý kiến không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch như sau:

a. Cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về xác nhận công nợ phải thu, phải trả: "Các khách hàng của Công ty chưa phản hồi về xác nhận công nợ phải thu, phải trả

tại ngày 31/12/2018 (Xem Thuyết minh phụ lục 01 của Báo cáo Tài chính đính kèm) dẫn tới khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất: Khoản mục "Phải thu khách hàng" (mã số 131") đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 91.005.688.086 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu là 47.592.505.935 đồng; Khoản mục "Trả trước cho người bán" (Mã số 132) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 664.021.208 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu là 15.125.000 đồng; Khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác " (Mã số 136) và "Khoản mục phải thu dài hạn khác" Mã số 216) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 7.212.330.846 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu ngắn hạn khác là 6.630.374.471 đồng; Khoản mục "Phải trả người bán" (Mã số 311) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 67.078.500.149 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 788.912.079 đồng; Khoản mục "Người mua trả tiền trước" (Mã số 312) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 51.313.017.776 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 120.716.909 đồng; Khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 4.197.653.918 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 1.504.915.788 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể đối chiếu được giá trị phải thu, phải trả chưa có xác nhận công nợ này, cũng như các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập".

❖ Giải trình của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ có tổng cộng bốn (04) địa điểm kinh doanh với khách hàng trải dài trên cả nước. Đối chiếu công nợ với khách hàng là một công việc phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan của khách hàng. Phần lớn công nợ chưa được xác nhận là thuộc về khách hàng nợ khó đòi (từ trước năm 2012) và các khoản công nợ chờ hướng xử lý của Hội đồng quản trị. Thời gian qua, Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ đã tích cực rà soát, thực hiện công tác trực tiếp liên lạc để thu hồi công nợ, gửi thư và yêu cầu xác nhận, đối chiếu công nợ với khách hàng tuy nhiên vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía khách hàng. Trường hợp các cá nhân, đơn vị không hợp tác, cố tình chây ỳ, Công ty tiếp tục chuyển hồ sơ đến cơ quan pháp luật để xử lý theo quy định. Việc thu hồi các khoản công nợ khó đòi trong năm 2018 đã có chuyển biến tuy nhiên mức chuyển biến chưa lớn. Do đó Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến từ chối về các khoản công nợ phải thu chưa có xác nhận này.

b. Cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về công nợ khó đòi: "Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng công nợ phải thu khó đòi "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130); "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số 210) dẫn tới khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130); Khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số

210) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh lần lượt theo giá trị thuần là 88.037.918.245 đồng và 1.990.826.945 đồng thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) có thể thực hiện được là 37.913.971.856 đồng và khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số 210) có thể thực hiện được là 199.744.088 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 50.123.946.389 đồng; Khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn khác" (Mã số 216) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 1.791.082.857 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 51.915.029.246 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 51.915.029.246 đồng".

❖ Giải trình của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

- Đây là các khoản công nợ phải thu khó đòi từ trước năm 2012, dựa trên nguyên tắc thận trọng kiểm toán viên đã yêu cầu Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi. Công ty cho rằng việc chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng như thư đối chiếu công nợ và các bằng chứng khác để đánh giá cơ sở cho việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên, nên Công ty tạm thời chưa trích lập dự phòng, Công ty sẽ trích lập dự phòng hoặc quy trách nhiệm bồi thường đối với các tổ chức và cá nhân liên quan về việc dẫn đến tình trạng không thể thu hồi nợ trên. Do đó Công ty kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến do Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi002E

c. Phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch

– Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ nhận thức rõ về những khó khăn và thách thức mà Công ty đang phải đối mặt. Do vậy, Công ty đã rất tích cực trong việc xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

  - Về các khoản công nợ khó đòi và việc xác nhận công nợ phải thu: Công ty sẽ quyết liệt trong rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn. Thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Về các phương án tài chính và kinh doanh: năm 2019, ngành Dược chịu tác động của chính sách đấu thầu thuốc giá rẻ, biến động tỷ giá ngoại tệ, nguyên liệu, cạnh tranh gay gắt của thị trường và những tồn tại khó khăn của các năm trước đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Với nhận định tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng Quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu trước mắt là tiếp tục tái cấu trúc lành mạnh hóa tình hình tài chính, giải quyết các vấn đề tồn đọng tài chính tạo điều kiện phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, đồng thời đảm bảo hiệu quả cao trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở thiết lập cơ chế kiểm soát và hạn chế rủi ro nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch & lợi nhuận.

4. Một số kết quả khác

a. Về tài chính

- Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông và của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty TNHH US Pharma USA thành Công ty Cổ phần US Pharma USA với vốn điều lệ 108,3 tỷ đồng . Sau đó vào tháng 10/2018 Công ty Cổ phần US Pharma USA đã phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 175 tỷ đồng. Với cơ cấu như sau:

  - ***Công ty CPDP Cần Giờ: 10.800.000 cổ phần, chiếm 61,72 % vốn điều lệ.***
  - ***03 thành viên sáng lập: 30.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ.***
  - ***Cổ đông cũ của Cagipharm: 2.541.500 cổ phần, chiếm 14,52% vốn điều lệ.***
  - ***CB-CNV và NLĐ Công ty: 793.500 cổ phần, chiếm 4.53% vốn điều lệ.***
  - ***Đấu giá bên ngoài : 3.335.000 cổ phần, chiếm 19.06% vốn điều lệ.***

- Làm việc với tư vấn xây dựng phương án cơ cấu tài chính cho Công ty (sẽ trình bày cụ thể sau).

- Thực hiện tốt việc cơ cấu trả nợ với Ngân hàng BIDV, AGRIBANK và các đối tác khác. Tổng số nợ đã trả được trong năm qua là 41 tỷ đồng giảm được 27% so với năm 2017.

- Để giảm rủi ro trong công tác bán hàng và quản lý công nợ phải thu, trong năm qua Công ty đã rà soát lại toàn bộ các công nợ của các khách hàng, thực hiện việc bán hàng, quản lý công nợ phải thu theo đúng chính sách kinh doanh, thông qua phần mềm có quy định hạn mức & thời gian nợ.

b. Về thương hiệu

- Sau thời gian 07 năm xây dựng không mệt mỏi, thương hiệu Uspharma hiện đang được thị trường chấp nhận, đội ngũ Y Bác sỹ, và các nhà thuốc rất tin dùng khẳng định chất lượng của Uspharma ngày càng vững chắc.

c. Về hệ thống phân phối

- Sau 07 năm Cagipharm và Uspharma đã xây dựng được một hệ thống phân phối bao gồm sĩ, lẻ trực tiếp đến tận nhà thuốc và phòng mạch… đảm bảo chắc chắn đầu ra cho sản lượng sản xuất ngày càng tăng.

d. Về xuất nhập khẩu

- Bước đầu đã xuất khẩu được một số sản phẩm sang Campuchia, Lào, Nigieria. Tuy nhiên doanh thu vẫn còn khiêm tốn. Kế hoạch sẽ phát triển xuất khẩu mạnh ở các nước trong khu vực ASEAN.

e. Về số visa

- Sau 07 năm hoạt động chúng ta hiện đang sở hữu một lượng lớn visa thuốc và công bố TPCN. Đây là một tài sản vô hình rất lớn đem lại nguồn thu cho Công ty.
  - Số visa thuốc đang lưu hành: 303 số.
  - Số visa đang chờ cấp: 210 số.
  - Số visa đạt tương đương sinh học: 11 số.
  - Thực phẩm chức năng: 163 số.

f. Về nhân sự

- CB-CNV Công ty Cagipharm – Uspharma đoàn kết gắn bó cùng với Công ty từ lúc khó khăn đến nay. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo đầy đủ chăm lo đời sống cho CB-CNV, ký hợp đồng , mua bảo hiểm đầy đủ, tổ chức nghỉ mát khám sức khoẻ định kỳ cho anh em.

g. Về pháp lý

- Công ty đều cập nhật các qui định mới, luật doanh nghiệp bổ sung sửa đổi, hàng năm đều trình cổ đông để cập nhật vào điều lệ Công ty, ổn định về pháp lý.

5. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2019

a. Các chỉ tiêu cơ bản

- Căn cứ kết quả thực hiện năm 2018, những dự báo kinh tế xã hội Việt Nam và dự báo môi trường kinh doanh dược phẩm năm 2019.

- Căn cứ vào kế hoạch ngày 30/09/2019 Công ty Cagipharm sẽ hoàn thành việc chuyển đổi cổ đông Công ty Cagipharm sang cổ đông Công ty Uspharma.
- Nhằm đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả, được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc lập kế hoạch kinh doanh hợp nhất dự kiến 09 tháng năm 2019 như sau:

Doanh thu bán hàng hợp nhất	Vnđ	436.212.971.431	328.578.573.699	-24,7%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Vnđ	22.754.938.214	26.908.544.941	+18,3%

b. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- **Về sản xuất**
  - Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng chủ lực có hiệu quả cao để hỗ trợ tốt cho kinh doanh phát triển thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận.
  - Nghiên cứu, cải tiến công nghệ sản xuất một số sản phẩm với mục tiêu tăng năng suất, giảm tiêu hao vật tư.
  - Nghiên cứu làm hồ sơ xin visa các sản phẩm có hoạt chất mới, đa dạng hóa các dạng bào chế nhằm mục tiêu đảm bảo doanh thu trong những năm tới.
  - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong sản xuất theo đúng tiêu chuẩn GMP, GLP, GDP để đảm bảo tăng năng suất và chất lượng đối với từng sản phẩm .
  - Đầu tư thêm một số trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, ổn định giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- **Về kinh doanh**
  - Xây dựng danh mục các sản phẩm chủ lực, tập trung vào các mặt hàng có sản lượng và doanh số lớn, các mặt hàng thị trường đang có nhu cầu cao.
  - Xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu Uspharma bằng nhiều hình thức.
  - Xây dựng chính sách bán hàng sĩ, lẻ ổn định, phù hợp với thị trường hướng vào quyền lợi khách hàng nhằm tăng sức cạnh tranh, triển khai và quản lý đảm bảo chính sách hậu mãi chăm sóc tốt khách hàng.

- Thực hiện mạnh mẽ việc đấu thầu thuốc vào bệnh viện, Bảo hiểm xã hội, các cơ sở điều trị trên cả nước. Khai thác tối đa các gói thầu sau khi đã trúng thầu.

- **Về quản trị tài chính**

  - Tiếp tục tập trung thu hồi và giải quyết các khoản nợ khó đòi, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng lợi nhuận.
  - Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình công nợ, thường xuyên phân tích tình hình công nợ, hạn chế thấp nhất phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi.
  - Tập trung vào việc kiểm soát chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cấu trúc chi phí như chi phí giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính... nhằm mục đích gia tăng lợi nhuận.
  - Kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhất là chi phí đầu vào, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh.
  - Thực hiện đúng Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

- **Về quản lý điều hành**

  - Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của cổ đông.
  - Tăng cường công tác quan hệ đầu tư, cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời, thiết lập mối quan hệ lâu dài với cổ đông và nhà đầu tư.
  - Thực hiện tốt các quy chế, quy trình quản trị Công ty, nâng cao công tác quản lý điều hành tại Công ty.
  - Tuân thủ quy định của các Cơ quan quản lý nhà nước, của Cục quản lý dược.

6. Những định hướng của Công ty Cagipharm sau khi cổ phần Công ty Uspharma

- Bán phần vốn của Công ty Cagipharm đang sở hữu tại Công ty Uspharma (10.800.000 cổ phần) cho Cổ đông hiện hữu của Cagipharm theo tỷ lệ 1CGP : 1 USP với giá 10.000 đồng/cổ phần và cho nợ không kỳ hạn, không lãi suất (có hợp đồng mẫu đính kèm).
- Hợp nhất kinh doanh của Công ty Cagipharm và Công ty Uspharma thành một hệ thống chung.
- Bán toàn bộ nhà máy lại cho Công ty Uspharma.

- Tiến đến giải thể Công ty Cagipharm.

7. Kết luận

- Kết quả kinh doanh năm 2018 đã hoàn thành với tỷ lệ đạt **92,4%** so với chỉ tiêu Đại hội cổ đông đề ra, đó là một nỗ lực rất lớn của tập thể CB-CNV của hai Công ty.
- Năm 2019 sẽ có nhiều thay đổi và thách thức mới. Ban Điều hành và toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma sẽ nỗ lực hơn nữa vì mục tiêu chung của Công ty, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền các cấp, sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị và sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng sẽ góp phần rất lớn để Công ty thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 và những định hướng trong tương lai.

C. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tình hình thực hiện kiểm soát của Công ty năm 2018 như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, trên cơ sở nhiệm vụ kế hoạch đã được Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, Ban kiểm soát đã tập trung triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra cụ thể như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty và tham gia đóng góp ý kiến những vấn đề có liên quan.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chính sách chế độ, các qui định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ thông qua việc xem xét nghiên cứu các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc nhằm phát hiện những thiếu sót, từ đó đề ra những kiến nghị và giải pháp chấn chỉnh kịp thời.
- Kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty, xem xét, đánh giá các báo cáo do tổ chức kiểm toán thực hiện.
- Đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông để thực hiện kiểm toán.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

- Năm 2018 Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật, điều lệ Công ty và các qui chế nội bộ.

3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2018 hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tuân thủ các qui định của pháp luật, điều lệ của Công ty, triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2018.
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng qui định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết và các quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền phù hợp căn cứ pháp lý theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm 2018 tập trung giải quyết các tồn đọng của Công ty. Hội đồng Quản trị thực hiện phương án tái cơ cấu tài chính thích hợp với thực tế hiện tại của Công ty.

4. Về công tác tài chính kế toán

Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 do Ban Tổng Giám đốc Công ty lập, Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS), Ban kiểm soát đã thẩm định và xác nhận:

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu, đánh giá của kiểm toán độc lập về báo cáo 2018 của Công ty.
- Ban kiểm soát nhận thấy với kết quả kinh doanh và các số liệu về tài chính đã xác nhận, các báo cáo được thể hiện rõ ràng, đầy đủ phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018.
- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo các qui định.
- Chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và qui định Pháp lý hiện hành.

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng Quản trị về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, kết quả không đạt như mong muốn, nhiều chỉ tiêu giảm so với năm trước. Tuy nhiên cũng ghi nhận

được sự cố gắng của Ban Tổng Giám đốc và tập thể Công ty trong việc hoàn thành kế hoạch doanh số đề ra.

- Sau đây là một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động Công ty năm 2018 đã được Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán.

5.1 Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm 2018 so với kế hoạch

Đơn vị tính : Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện so với KH	Tỷ lệ đạt (%) so với KH
1.Doanh thu thuần hợp nhất	430.168	436.212	+ 6.044	101,4%
2.Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	33.995	22.754	-11.241	66,9%

5.2 Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm 2018 so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị tính : Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ đạt (%) so với năm trước
1. Doanh thu thuần hợp nhất	435.049	458.951	-23.902	94,8%
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	22.754	33.992	-11.237	66,9%
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	16.437	29.113	-12.675	56,5%
4.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.504	2.712	-1.208	

5.3 Các chỉ số cơ bản

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	9,13%	4,78%	-4,35%
Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	116,78%	16,69%	-100,09%
Suất sinh lời trên doanh thu (ROS)	6,34%	3,78%	-2,57%
Chi phí bán hàng trên doanh thu	1,77%	1,84%	0,07%
Chi phí quản lý trên doanh thu	13,37%	15,77%	2,40%

Qua số liệu trên nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ đạt được kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu, tuy nhiên có một số chỉ tiêu như lợi nhuận kết quả không như mong muốn, đi sâu vào các chỉ tiêu nhận thấy:

- Chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất thực hiện 2018 là 435 tỷ (lấy số tròn) mặc dù vượt kế hoạch là 4,8 tỷ (lấy số tròn), đạt 101,4% so với kế hoạch, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất giảm so với kế hoạch là 11 tỷ (lấy số tròn) tương ứng chỉ đạt 66,9% kế hoạch, do trong năm 2018 Công ty có xử lý tồn đọng cũ (trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi có xác nhận là 8,6 tỷ đồng).
- Chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất thực hiện 2018 là 435 tỷ (lấy số tròn) giảm 5,3% so với năm trước, kéo theo Lợi nhuận trước thuế hợp nhất thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 11,2 tỷ (lấy số tròn), chỉ đạt 66,9% so với năm 2017.
- Từ chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế hợp nhất không đạt, kéo theo các chỉ tiêu khác đều giảm, thể hiện ở các chỉ tiêu sinh lời như Suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA) là 4,78% giảm 4,35% so với năm trước. Suất sinh lời trên Doanh thu thuần (ROS) là 3,78% giảm 2,57% so với năm trước. Riêng chỉ tiêu Suất sinh lời trên Vốn chủ sở hữu (ROE) là 16,69% giảm rất nhiều 100,09% so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó chỉ tiêu chi phí bán hàng trên doanh thu thuần hợp nhất là 1,84% có tăng 0,07% so với năm trước trong khi doanh thu thuần không đạt bằng năm trước, về chỉ tiêu chi phí quản lý trên doanh thu thuần hợp nhất là 15,77% tăng tới 2,4% so với năm trước.

6. Tình hình tài chính năm 2018

- Trong năm 2018, Công ty có điều chỉnh hồi tố 02 khoản mục làm ảnh hưởng đến số dư Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 như sau:

+ Điều chỉnh hồi tố "Tài sản thiếu chờ xử lý" là hàng tồn kho còn giá trị nhưng thực tế kiểm kê không còn với giá trị với số tiền: 33.268.161.015 đồng. Giảm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giảm chỉ tiêu Tài sản thiếu chờ xử lý.
+ Điều chỉnh hồi tố khoản vốn góp điều lệ chưa góp đủ trong năm 2007 của 05 cổ đông với tổng số tiền: 4.258.914.058 đồng (trong đó vốn góp điều lệ là 2.642.920.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần là 1.615.994.058 đồng). Giảm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giảm chỉ tiêu Cổ phiếu quỹ.

- Báo cáo tài chính 2018 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2018 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông số liệu cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 2018

CHỈ TIÊU CƠ BẢN	NĂM 2017	NĂM 2018	TỶ LỆ % SO VỚI NĂM TRƯỚC
I. TỔNG TÀI SẢN	**318.801**	**343.887**	**108%**
Tài sản ngắn hạn	249.797	285.228	114%
Tài sản dài hạn	69.003	58.658	85%
II. TỔNG NGUỒN VỐN	**318.801**	**343.887**	**108%**
Vốn chủ sở hữu	24.929	98.488	395%
Nợ ngắn hạn	232.532	210.111	90%
Nợ dài hạn	61.340	35.287	58%

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Các chỉ số cơ bản	2017	2018	So sánh
Hệ số tài trợ	0,17 lần	0,29 lần	+0,12 lần
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1,2 lần	1,4 lần	+0,2 lần
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,22 lần	1,35 lần	+0,13 lần
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,69 lần	0,85 lần	+0,16 lần

Từ những chỉ tiêu trên phân tích cho thấy:

- Hệ số tài trợ: Vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 29% trên tổng nguồn vốn tăng 0,12 lần so với hệ số tài trợ năm 2017. Điều này chứng tỏ Công ty có nhiều cố gắng để đảm bảo nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, tuy nhiên vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng nguồn vốn Công ty.
- Thông qua các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán như: hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2018 là 1,4 lần tăng 0.2 lần so với năm 2017; hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1.35 lần tăng 0.13 lần so với năm 2017 điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty đã cải thiện củng cố niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông. Tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh của Công ty chưa được đảm bảo.

7. Kết luận

- Kết quả đạt được trong năm 2018 về phần lợi nhuận kinh doanh chưa đạt kết quả như kế hoạch đề ra nhưng phần tái cấu trúc đã từng bước thực hiện đây cũng là sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty.
- Trên đây là tóm tắt các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát trong năm qua xin báo cáo với Đại hội cổ đông thường niên năm nay. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý vị cổ đông.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.735.708 cổ phần phổ thông.

2. Cơ cấu cổ đông *(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/03/2019)*

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.173	10.669.838	99,39%
	Tổ chức	*3*	*98.610*	*0,92%*
	Cá nhân	*1.170*	*10.571.228*	*98,47%*
2	Cổ đông nước ngoài	5	65.870	0,61%
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	*5*	*65.870*	*0,61%*
	Tổng cộng	**1.178**	**10.735.708**	**100%**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Phan Thị Hồng Liên	Chủ Tịch HĐQT	62.277	0,58%
2	Trần Cung	Phó Chủ Tịch HĐQT	124.929	1,16%
3	Ngô Phi Hậu	Thành Viên HĐQT	126.309	1,18%
4	Dương Minh Dũng	Thành Viên HĐQT	22.205	0,21%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)
5	Huỳnh Công Triết	Trưởng BKS	14.019	0,13%
6	Trần Thị Bích Loan	Thành Viên BKS	14.401	0,13%
7	Phan Thị Ánh	Thành Viên BKS	5.392	0,05%
8	Trần Ngọc Lan Trang	Phó TGĐ – PT Kinh Doanh	142.596	1,33%

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Tên cá nhân	Số lượng cổ phiếu tại ngày 18/04/2018	Số lượng cổ phiếu đã mua từ ngày 18/04/2018 đến ngày 05/03/2019	Số lượng cổ phiếu tại ngày 05/03/2019	Tỷ lệ (%) tại ngày 05/03/2019	Quan hệ của cá nhân với người có liên quan	Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết	Chức vụ hiện nay của người có liên quan tại tổ chức niêm yết
1	Trần Thị Thu Tâm	320.888	-	320.888	2,99%	Vợ	Trần Cung	Phó Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Ngô Lê Phương Dung	24.726	-	24.726	0,23%	Con	Ngô Phi Hậu	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
3	Ngô Thị Hòa	6.470	-	6.470	0,06%	Em	Ngô Phi Hậu	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Bùi Thị Kim Liên	80.876	-	80.876	0,75%	Vợ	Hoàng Mầng	Thành viên HĐQT
5	Trần Thị Bích Trang	1.100	-	1.100	0,01%	Vợ	Dương Minh Dũng	Thành viên HĐQT
6	Trần Ngọc Lan Anh	53.918	-	53.918	0,50%	Chị	Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng Giám đốc
7	Trần Tuấn Khanh	6.088	-	6.088	0,06%	Chồng	Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng Giám đốc

8	Huỳnh Thị Phương Tứ	26.445	-	26.445	0,25%	Chị	Huỳnh Công Triết	Trưởng Ban Kiểm soát
9	Huỳnh Thị Phương Thuần	39.900	-	39.900	0,37%	Em	Huỳnh Công Triết	Trưởng Ban Kiểm soát

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được đính kèm theo báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ QUẬN 10-TP.HỒ CHÍ MINH

Trần Cung

AASCs

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 vào ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: **107.357.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q. 10, TPHCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh,
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty con

+ Công ty Cổ Phần US Pharma USA

+ Địa chỉ : Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, X. Tân An Hội, H. Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh

+ Vốn điều lệ:	175.000.000.000 VND
+ Vốn thực góp:	161.409.440.000 VND
+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ:	66,91%
+ Tỷ lệ quyền biểu quyết:	66,91%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2018 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà:	Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch
Ông:	Trần Cung	Phó chủ tịch
Ông:	Dương Minh Dũng	Thành viên
Ông:	Ngô Phi Hậu	Thành viên
Ông:	Hoàng Mầng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Trần Cung	Tổng Giám đốc
Bà:	Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Ngô Phi Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Huỳnh Công Triết	Trưởng ban
Bà:	Trần Thị Bích Loan	Ủy viên
Bà:	Phan Thị Ánh	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Trần Cung

Kế toán trưởng:

Ông: Hồ Xuân Bình

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty .

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị	**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**
Chủ tịch	**Tổng Giám đốc**
PHAN THỊ HỒNG LIÊN	**TRẦN CUNG**

Số :386../BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

Các khách hàng của công ty chưa phản hồi về xác nhận công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2018 (Xem Thuyết minh phụ lục 01 của Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm) dẫn tới khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất: Khoản mục "Phải thu khách hàng" (mã số 131") đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 91.005.688.086 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu là 47.592.505.935 đồng; Khoản mục "Trả trước cho người bán" (Mã số 132) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 664.021.208 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu là 15.125.000 đồng; Khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136) và "Khoản mục phải thu dài hạn khác" (Mã số 216) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 7.212.330.846 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải thu ngắn hạn khác là 6.630.374.471 đồng; Khoản mục "Phải trả người bán" (Mã số 311) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 67.078.500.149 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 788.912.079 đồng; Khoản mục "Người mua trả tiền trước" (Mã số 312) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 51.313.017.776 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 120.716.909 đồng; Khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319) đang được phản ánh với giá trị ghi sổ là 4.197.653.918 đồng chưa có phản hồi xác nhận công nợ phải trả là 1.504.915.788 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể đối chiếu được giá trị phải thu, phải trả chưa có xác nhận công nợ này, cũng như các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng công nợ phải thu khó đòi "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130); "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số 210) dẫn tới khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130); Khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số 210) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh lần lượt theo giá trị thuần là 88.037.918.245 đồng và 1.990.826.945 đồng thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) có thể thực hiện được là 37.913.971.856 đồng và khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn" (Mã số 210) có thể thực hiện được là 199.744.088 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 50.123.946.389 đồng; Khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn khác" (Mã số 216) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 1.791.082.857 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 51.915.029.246 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 51.915.029.246 đồng.

Từ chối đưa ra ý kiến:

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

Vấn đề nhấn mạnh:

Theo Quyết định xử lý tài sản thiếu chờ xử lý của Hội đồng quản trị Công ty về xác định nguyên nhân giá trị hàng tồn kho không còn trên thực tế kiểm kê đang được Công ty ghi nhận ở khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" (Mã số 139) với số tiền là 33.268.161.015 đồng. Hội đồng quản trị Công ty quyết định hồi tố ảnh hưởng của việc chưa ghi nhận đúng giá vốn hàng bán, lãi vay chưa ghi nhận, hàng tồn kho thiếu chưa xác định nguyên nhân với tổng số tiền 33.268.161.015 đồng vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017. Việc điều chỉnh hồi tố này sẽ làm giảm chỉ tiêu "Tài sản thiếu chờ xử lý" (mã số 139) với số tiền 33.268.161.015 đồng và các chỉ tiêu liên quan khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2017 (Xem thuyết minh VI.08.).

Tuy không phủ nhận về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty là có lãi, nhưng do vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 dẫn tới chúng tôi đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 được đính kèm.

Chúng tôi xin lưu ý với người đọc tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 kết thúc tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Việt Úc phát hành ngày 05/04/2016 với ý kiến ngoại trừ.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2016-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**285.228.769.067**	**249.797.934.884**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**18.983.989.028**	**22.720.233.736**
111	1. Tiền		18.983.989.028	22.720.233.736
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**V.02**	**63.000.000.000**	**5.000.000.000**
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		63.000.000.000	5.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**88.037.918.245**	**90.312.633.491**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	91.005.688.086	83.290.759.866
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		664.021.208	1.799.493.698
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	5.221.503.901	5.404.128.724
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.05	(8.853.294.950)	(181.748.797)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.06**	**107.235.239.099**	**122.511.333.257**
141	1. Hàng tồn kho		107.235.239.099	122.832.849.928
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			(321.516.671)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**7.971.622.695**	**9.253.734.400**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10	1.960.580.986	2.788.358.243
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.754.106.648	6.260.279.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	256.935.061	205.096.330
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**58.658.241.162**	**69.003.925.893**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.990.826.945**	**2.030.826.945**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	1.990.826.945	2.030.826.945
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**10.496.691.975**	**11.272.294.597**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	10.496.691.975	11.272.294.597
222	- Nguyên giá		53.790.906.951	51.406.139.315
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(43.294.214.976)	(40.133.844.718)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08		
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**V.09**	**32.833.801.346**	**34.725.095.606**
231	- Nguyên giá		60.756.649.248	60.756.649.248
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(27.922.847.902)	(26.031.553.642)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**13.336.920.896**	**20.975.708.745**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	7.464.442.474	9.902.214.831
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.872.478.422	11.073.493.914
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**343.887.010.229**	**318.801.860.777**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**245.398.967.750**	**293.872.482.622**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**210.111.777.278**	**232.532.133.665**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	67.078.500.149	79.608.060.994
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		51.313.017.776	49.711.014.410
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.475.773.998	1.777.387.160
314	4. Phải trả người lao động		12.353.934.619	9.926.962.980
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	54.033.247.703	62.153.338.704
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	4.197.653.918	3.930.351.408
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.11	18.643.106.627	25.395.088.901
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.016.542.488	29.930.033
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**35.287.190.472**	**61.340.348.957**
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.11	35.287.190.472	61.340.348.957
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.16**	**98.488.042.479**	**24.929.378.155**
410	I. Vốn chủ sở hữu		98.488.042.479	24.929.378.155
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		107.357.080.000	107.357.080.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*107.357.080.000*	*107.357.080.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.145.212.325	
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		2.558.989.987	2.645.469.564
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(69.912.100.511)	(85.073.171.409)
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(85.907.896.951)*	*(114.186.765.207)*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*15.995.796.440*	*29.113.593.798*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		55.338.860.678	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**343.887.010.229**	**318.801.860.777**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN ANH TUẤN	HỒ XUÂN BÌNH	TRẦN CUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**436.212.971.431**	**460.709.719.035**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.163.735.427	1.758.392.960
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**435.049.236.004**	**458.951.326.075**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.03**	**329.162.957.054**	**346.866.387.630**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**105.886.278.950**	**112.084.938.445**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	504.182.888	525.412.394
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	6.932.772.082	8.653.202.393
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*6.228.405.870*	*6.812.927.171*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	8.019.385.197	8.144.298.966
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	68.615.264.690	61.374.580.075
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**22.823.039.869**	**34.438.269.405**
31	11. Thu nhập khác	VI.08	117.449.338	172.550.025
32	12. Chi phí khác	VI.09	185.550.993	618.036.741
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(68.101.655)**	**(445.486.716)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**22.754.938.214**	**33.992.782.689**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.11	1.116.205.943	659.719.830
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.12	5.201.015.492	4.219.469.061
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**16.437.716.779**	**29.113.593.798**
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		16.150.183.353	29.113.593.798
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		287.533.426	
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.13	1.504	2.712
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.14	1.504	2.712

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN ANH TUẤN	HỒ XUÂN BÌNH	TRẦN CUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**22.754.938.214**	**33.992.782.689**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		5.534.226.102	8.310.7[illegible]
03	2. Các khoản dự phòng		8.350.029.482	(6.250.9[illegible]
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		204.649.831	1.670.29[illegible]
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(436.892.033)	(338.687.9[illegible]
06	5. Chi phí lãi vay		6.228.405.870	6.812.927.171
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**42.635.357.466**	**44.197.034.857**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.172.570.828	6.113.506.216
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		14.395.683.323	(26.111.009.880)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(27.974.105.595)	9.081.66[illegible]
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.265.549.614	(235.69[illegible]
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.223.362.357)	(12.458.160.08[illegible]
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(852.914.968)	(481.835.485)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.500.000)	(49.389.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**31.416.278.311**	**20.056.117.948**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.005.258.545)	(3.194.315.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		180.000.000	19.800.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		395.982.854	320.687.978
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(60.429.275.691)**	**(2.853.827.567)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		58.110.060.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		131.995.035.570	137.757.718.692
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(164.800.176.329)	(140.890.509.1[illegible]
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(28.459.740)	(787.350.00[illegible]
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**25.276.459.501**	**(3.920.140.509)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(3.736.537.879)**	**13.282.149.872**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**22.720.233.736**	**9.436.230.620**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		293.171	1.853.244
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**18.983.989.028**	**22.720.233.736**

Ghi chú:

Chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu" (mã số: 31) Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2018 đây là số tiền của cổ đông không kiểm soát thực góp vốn vào Công ty con - Công ty Cổ phần US Pharma USA tại ngày 31/12/2018.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN ANH TUẤN	HỒ XUÂN BÌNH	TRẦN CUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 vào ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: **107.357.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q. 10, TPHCM

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3 . Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh,
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 . Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6 . Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con	: 01
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 01
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Thông tin về tái cấu trúc Công ty: trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Vốn thực góp của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cổ Phần US Pharma USA	175.000.000.000	161.409.440.000	66,91%	100%	66,91%	100%

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/20[illegible] Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất,

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ piếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:
- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210,Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm gía trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	**1.741.261.390**	**2.273.244.514**
- VND	1.741.261.390	2.273.244.514
Tiền gửi không kỳ hạn	**17.242.727.638**	**20.446.989.222**
Cộng	**18.983.989.028**	**22.720.233.736**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
a) Chứng khoán kinh doanh						
Tổng giá trị cổ phiếu						
Các khoản đầu tư khác						
Cộng						

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b1) Ngắn hạn	63.000.000.000	63.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng ACB	*63.000.000.000*	*63.000.000.000*	*5.000.000.000*	*5.000.000.000*
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Các khoản đầu tư khác				
Cộng	**63.000.000.000**	**63.000.000.000**	**5.000.000.000**	**5.000.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**91.005.688.086**	**83.290.759.866**
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt	16.532.444.881	16.532.444.881
Công ty CP Dược Phẩm Trung Phần C.G	6.104.779.448	6.104.779.448
Công ty TNHH Dược Phẩm và Mỹ Phẩm Mỹ Trung	9.356.171.690	9.356.171.690
Các khoản phải thu khách hàng khác	59.012.292.067	51.297.363.847
b) Dài hạn		
Cộng	**91.005.688.086**	**83.290.759.866**

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a) Ngắn hạn	**5.221.503.901**		**5.404.128.724**	
Tạm ứng	690.566.498		958.955.193	
Phải thu khác	4.530.937.403		4.445.173.531	
+ Lyka Labs., Ltd	1.989.592.240		*1.989.592.240*	
+ Đối tượng khác	2.541.345.163		*2.455.581.291*	
b) Dài hạn	**1.990.826.945**		**2.030.826.945**	
Ký cược, ký quỹ	199.744.088		239.744.088	
Phải thu khác	1.791.082.857		1.791.082.857	
Cộng	**7.212.330.846**		**7.434.955.669**	

05 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Phải thu khách hàng	55.577.041.026		47.142.289.204	
- Phải thu khác	5.143.234.843		4.351.040.943	
- Phải thu tạm ứng	48.048.327		48.048.327	
- Đối tượng khác				
Cộng	**60.768.324.196**		**51.541.378.474**	

Ghi chú: Chi tiết nợ xấu xem phụ lục 1 đính kèm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

06 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	59.123.019.694		49.659.723.958	(209.538.640)
- Công cụ, dụng cụ	177.885.931		311.909.340	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.406.939.826		24.279.141.472	
- Thành phẩm	29.268.137.478		42.870.044.779	(111.978.03
- Hàng hóa	4.259.256.170		5.712.030.379	
- Hàng gửi đi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	**107.235.239.099**		**122.832.849.928**	**(321.516.671)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

07 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**378.933.000**	**41.812.284.214**	**7.531.194.139**	**423.198.642**	**1.260.529.320**	**51.406.139.315**
2. Số tăng trong năm		**1.904.204.000**	**1.101.054.545**			**3.005.258.545**
- Mua trong năm		*1.904.204.000*	*1.101.054.545*			*3.005.258.545*
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm			**620.490.909**			**620.490.909**
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			*620.490.909*			*620.490.909*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**378.933.000**	**43.716.488.214**	**8.011.757.775**	**423.198.642**	**1.260.529.320**	**53.790.906.951**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**378.933.000**	**35.294.676.340**	**4.047.928.369**	**266.277.188**	**146.029.821**	**40.133.844.718**
2. Khấu hao trong năm		**2.548.360.904**	**1.068.695.938**	**25.875.000**		**3.642.931.842**
- Khấu hao trong năm		*2.548.360.904*	*1.068.695.938*	*25.875.000*		*3.642.931.842*
3. Giảm trong năm			**482.561.584**			**482.561.584**
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			*482.561.584*			*482.561.584*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**378.933.000**	**37.843.037.244**	**4.634.062.723**	**292.152.188**	**146.029.821**	**43.294.214.976**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		**6.517.607.874**	**3.483.265.770**	**156.921.454**	**1.114.499.499**	**11.272.294.597**
2. Tại ngày cuối năm		**5.873.450.970**	**3.377.695.052**	**131.046.454**	**1.114.499.499**	**10.496.691.975**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 5.634.089.279 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm						
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm						
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

09 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	**60.756.649.248**			**60.756.649.248**
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và vật kiến trúc	60.756.649.248			60.756.649.248
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	**26.031.553.642**	**1.891.294.260**		**27.922.847.902**
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và vật kiến trúc	26.031.553.642	1.891.294.260		27.922.847.902
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	**34.725.095.606**		**1.891.294.260**	**32.833.801.346**
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và vật kiến trúc	34.725.095.606		1.891.294.260	32.833.801.346
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 32.833.801.346 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**1.960.580.986**	**2.788.358.243**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	115.384.427	206.987.907
Chi phí sửa chữa	1.783.243.809	1.557.747.347
Các khoản khác	61.952.750	1.023.622.989
b) Dài hạn	**7.464.442.474**	**9.902.214.831**
Chi phí phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3.878.239.590	5.170.986.120
Chi phí thuê đất	3.174.744.549	3.269.986.880
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		599.809.786
Chi phí sửa chữa		437.473.699
Các khoản khác	411.458.335	423.958.346
c) Lợi thế thương mại		
Cộng	**9.425.023.460**	**12.690.573.074**

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn	*Số cuối năm*		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn - VND	18.643.106.627	18.643.106.627	131.995.035.570	138.747.017.844	25.395.088.901	19.719.301.351
- Ngân hàng BIDV-Tp.HCM	*16.920.501.152*	*16.920.501.152*	*38.027.268.128*	*38.521.817.424*	*17.415.050.448*	*17.415.050.448*
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	*1.722.490.475*	*1.722.490.475*			*1.722.490.475*	*1.722.490.475*
- Ngân hàng ACB	*115.000*	*115.000*	90.767.767.442	96.443.439.992	*5.675.787.550*	
- Đối tượng khác			*3.200.000.000*	*3.781.760.428*	*581.760.428*	*581.760.428*
Cộng	**18.643.106.627**	**18.643.106.627**	**131.995.035.570**	**138.747.017.844**	**25.395.088.901**	**19.719.301.351**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	*Số cuối năm*		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm (VND)				**868.059.606**	**868.059.606**	**868.059.606**
- Ngân hàng ACB				*168.059.606*	*168.059.606*	*168.059.606*
- Võ Tiến Dũng				*700.000.000*	*700.000.000*	*700.000.000*
Trên 5 năm	**35.287.190.472**	**35.287.190.472**		**25.185.098.879**	**60.472.289.351**	**60.472.289.351**
Vay dài hạn - VND	**35.287.190.472**	**35.287.190.472**		**25.185.098.879**	**60.472.289.351**	**60.472.289.351**
- Ngân hàng BIDV - CN SGD 2 TP. HCM (VND)	*35.194.190.472*	*35.194.190.472*		*21.600.000.000*	*56.794.190.472*	*56.794.190.472*
- Ngân hàng Agribank CN TP. HCM	*93.000.000*	*93.000.000*		*3.585.098.879*	*3.678.098.879*	*3.678.098.879*
Vay dài hạn - USD						
-Ngân hàng BIDV - CN SGD 2 TP. HCM (USD)						
Cộng	**35.287.190.472**	**35.287.190.472**		**26.053.158.485**	**61.340.348.957**	**61.340.348.957**

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn	**67.078.500.149**	**67.078.500.149**	**79.608.060.992**	**79.356.723.550**
+ Công ty CP XNK Y Tế TPHCM	3.805.884.361	3.805.884.361	8.608.947.421	8.608.947.421
+ Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	17.897.582.604	17.897.582.604	20.417.218.772	20.417.218.772
+ Phải trả cho các đối tượng khác	45.375.033.184	45.375.033.184	50.581.894.799	50.330.557.357
b) Dài hạn				
Cộng	**67.078.500.149**	**67.078.500.149**	**79.608.060.992**	**79.356.723.550**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.545.585	1.116.205.943	852.914.968	507.836.560
Thuế GTGT	569.602.908	3.573.857.974	3.885.495.179	257.965.703
Thuế xuất nhập khẩu	27.926.554		27.926.554	
Thuế thu nhập cá nhân	935.312.113	1.226.273.448	1.451.613.826	709.971.735
Tiền thuê đất		117.973.948	117.973.948	
Các loại thuế khác				
Cộng	**1.777.387.160**	**6.034.311.313**	**6.335.924.475**	**1.475.773.998**

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

b) Phải thu

	Số đầu năm	*Số phải thu trong năm*	*Số đã thu trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế GTGT	205.096.330	7.500.537.825	7.448.699.094	256.935.061
Thuế thu nhập cá nhân				
Thuế tài nguyên				
Cộng	**205.096.330**	**7.500.537.825**	**7.448.699.094**	**256.935.061**

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**54.033.247.703**	**62.153.338.701**
Lãi vay	52.956.174.681	62.153.338.701
Các khoản khác	1.077.073.022	
b) Dài hạn		
Lãi vay		
Các khoản khác		
Cộng	**54.033.247.703**	**62.153.338.701**

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**4.197.653.918**	**3.930.351.408**
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.700.000	4.700.000
Kinh phí công đoàn	308.339.941	461.466.342
Bảo hiểm xã hội	614.734.421	821.752.594
Bảo hiểm y tế	335.736.391	328.994.127
Bảo hiểm thất nghiệp	47.859.134	85.399.983
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.028.078.660	1.056.538.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.858.205.371	1.171.499.962
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	**4.197.653.918**	**3.930.351.408**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

16 . 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	**107.357.080.000**		**(4.258.914.058)**	**2.645.469.564**	**(79.250.330.326)**		**26.493.305.180**
Tăng vốn trong năm trước							
Lợi ích cổ đông không kiểm soát							
Lãi trong năm trước					29.113.593.798		29.113.593.798
Tăng do trích lập từ lợi nhuận							
Giảm vốn trong năm trước							
Trích quỹ từ lợi nhuận					(52.279.808)		(52.279.808)
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác			4.258.914.058		(34.884.155.073)		(30.625.241.015)
Số dư đầu năm nay	**107.357.080.000**			**2.645.469.564**	**(85.073.171.409)**		**24.929.378.155**
Tăng vốn trong năm nay							
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		3.145.212.325					3.145.212.325
Lãi trong năm nay					16.150.183.353		16.150.183.353
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Tăng khác						55.338.860.678	55.338.860.678
Trích quỹ từ lợi nhuận					(989.112.455)		(989.112.455)
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác				(86.479.577)			(86.479.577)
Số dư cuối năm nay	**107.357.080.000**	**3.145.212.325**		**2.558.989.987**	**(69.912.100.511)**	**55.338.860.678**	**98.488.042.479**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

16 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	*Số cuối năm*	%	*Số đầu năm*	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	107.357.080.000	100%	107.357.080.000	100%
Cộng	**107.357.080.000**	**100%**	**107.357.080.000**	**100%**

16 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	107.357.080.000	107.357.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	107.357.080.000	107.357.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

16 . 4. Cổ phiếu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.735.708	10.735.708
- Cổ phiếu phổ thông	*10.735.708*	*10.735.708*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.735.708	10.735.708
- Cổ phiếu phổ thông	*10.735.708*	*10.735.708*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

16 . 5. Các quỹ của Công ty	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Quỹ đầu tư phát triển	2.558.989.987	2.645.469.564
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài:	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 năm đến 5 năm		
- Trên 5 năm	378.933.000	378.933.000

c) Ngoại tệ các loại	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Dollar Mỹ (USD)	5.284,56	2.516,41
- Bảng Anh (EUR)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	436.212.971.431	460.709.719.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	**436.212.971.431**	**460.709.719.035**

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại	1.163.735.427	1.758.392.960
Cộng	**1.163.735.427**	**1.758.392.960**

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	312.148.732.158	346.544.870.959
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn hàng khuyến mại	17.335.741.567	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(321.516.671)	321.516.671
Các khoản ghi tăng giá vốn		
Cộng	**329.162.957.054**	**346.866.387.630**

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	395.982.854	320.687.978
Lãi bán các khoản đầu tư		
Lãi chênh lệch tỷ giá	108.200.034	204.724.416
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	**504.182.888**	**525.412.394**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	6.228.405.870	6.812.927.17
Lỗ chênh lệch tỷ giá	704.366.212	1.840.275.22
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
Chi phí tài chính khác		
Cộng	**6.932.772.082**	**8.653.202.39**

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	6.630.934.030	6.890.049.532
Chi phí công cụ, dụng cụ	76.770.939	11.424.776
Chi phí khấu hao		
Chi phí vận chuyển hàng hóa		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.909.684	311.504.787
Chi phí bằng tiền khác	1.038.770.544	931.319.871
Cộng	**8.019.385.197**	**8.144.298.966**

07 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí nhân viên	35.523.031.863	34.527.418.5
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.787.251.214	2.417.021.30
Chi phí khấu hao	3.453.048.384	3.732.385.404
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.671.546.153	(23.019.115)
Thuế, phí, lệ phí	293.744.152	974.897.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.060.207.359	7.035.051.82
Các khoản chi phí QLDN khác	11.826.435.565	12.710.824.895
Cộng	**68.615.264.690**	**61.374.580.075**

08 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	42.070.675	86.000.000
Tiền phạt thu được		
Các khoản khác	75.378.663	86.550.025
Cộng	**117.449.338**	**172.550.025**

09 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản bị phạt	185.548.473	611.574.644
Các khoản khác	2.520	6.462.097
Cộng	**185.550.993**	**618.036.741**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	266.978.620.274	321.545.580.613
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	161.922.896	2.544.357.710
Chi phí nhân công	63.945.568.150	71.631.055.10
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.223.282.268	11.358.019.71
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.729.067.344	50.752.686.33
Chi phí khác	17.741.204.455	20.444.635.566
Cộng	**402.779.665.387**	**478.276.335.044**

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	689.836.560	659.719.830
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	426.369.383	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.116.205.943**	**659.719.830**

12 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.201.015.492	4.219.469.061
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**5.201.015.492**	**4.219.469.061**

13 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	16.150.183.353	29.113.593.798
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.735.708	10.735.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.504**	**2.712**

14 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	16.150.183.353	29.113.593.798
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.735.708	10.735.708
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.504**	**2.712**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. **Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:** Không phát sinh

2 . **Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:** Không có

3 . **Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**	*Năm nay*	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	131.995.035.570	137.757.718.652
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường		

4 . **Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**	*Năm nay*	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	164.800.176.329	140.890.509.161

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

Bên liên quan	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch HĐQT	Công ty trả tiền vay	1.000.000.000
		Công ty trả tiền lãi vay	32.416.438
		Mua cổ phần Công ty con	700.000.000
+ Trần Cung	Tổng Giám đốc	Mua cổ phần Công ty con	1.200.000.000
+ Trần Thị Thu Tâm	Vợ - Tổng Giám đốc	Mua cổ phần Công ty con	2.500.000.000
+Trần Ngọc Lan Trang	P.Tổng Giám đốc	Công ty trả tiền vay	500.000.000
		Công ty trả tiền lãi vay	16.208.219
		Mua cổ phần Công ty con	1.250.000.000
+ Dương Minh Dũng	Thành viên HĐQT	Mua cổ phần Công ty con	150.000.000
+ Hồ Xuân Bình	Kế toán trưởng	Mua cổ phần Công ty con	150.000.000
+ Huỳnh Công Triết	Trưởng ban kiểm soát	Mua cổ phần Công ty con	212.150.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

+ Phan Thị Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát	Mua cổ phần Công ty con	70.000.000
+ Trần Thị Bích Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	Mua cổ phần Công ty con	10.000.000
+ Ngô Phi Hậu	Tổng Giám đốc Công ty con	Mua cổ phần Công ty con	1.300.000.000
+ Mã Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	Mua cổ phần Công ty con	50.000.000
+ Trần Tấn Thạnh	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	Mua cổ phần Công ty con	1.370.000.000
+ Võ Tiến Dũng	Kế toán trưởng Công ty con	Mua cổ phần Công ty con	150.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty không có các khoản phải trả với các bên liên quan.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	377.139.000	525.858.000
Tiền lương	4.575.886.697	3.688.033.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.983.989.028		22.720.233.736		18.983.989.028	22.720.233.736
Phải thu khách hàng	91.005.688.086		83.290.759.866		91.005.688.086	83.290.759.866
Trả trước cho người bán	664.021.208		1.799.493.698		664.021.208	1.799.493.698
Các khoản phải thu khác	7.212.330.846		7.434.955.669		7.212.330.846	7.434.955.669
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.000.000.000		5.000.000.000		63.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn						
Cộng	**180.866.029.168**		**120.245.442.969**		**180.866.029.168**	**120.245.442.969**
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	67.078.500.149		79.608.060.992		67.078.500.149	79.608.060.992
Người mua trả tiền trước	51.313.017.776		49.711.014.410		51.313.017.776	49.711.014.410
Vay và nợ	53.930.297.099		86.735.437.858		53.930.297.099	86.735.437.858
Phải trả người lao động	12.353.934.619		9.926.962.060		12.353.934.619	9.926.962.060
Trái phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	4.197.653.918		3.930.351.408		4.197.653.918	3.930.351.408
Cộng	**188.873.403.561**		**229.911.826.728**		**188.873.403.561**	**229.911.826.728**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	67.078.500.149			67.078.500.149
Người mua trả tiền trước	51.313.017.776			51.313.017.776
Vay và nợ	18.643.106.627	35.287.190.472		53.930.297.099
Trái phiếu chuyển đổi				
Chi phí phải trả	54.033.247.703			54.033.247.703
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.197.653.918			4.197.653.918
Cộng	**195.265.526.173**	**35.287.190.472**		**230.552.716.645**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.284,56	2.516
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(517.339,52)	(1.066.590)
Vay và nợ thuê tài chính		
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**(512.055)**	**(1.064.073)**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(238.012.658)	(483.837.566)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	238.012.658	483.837.566

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, bất độmg sản đầu tư làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi có kỳ hạn	63.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình		2.224.397.380
Bất động sản đầu tư	32.833.801.346	34.725.095.606

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Trong năm nay - theo Quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện rà soát kiểm tra lại khoản mục cổ phiếu quỹ của Công ty, khoản mục thặng dư vốn cổ phần và xác định nguyên nhân kiểm kê kho thành phẩm tồn kho tồn đọng không còn phẩm chất trên sổ sách còn giá trị nhưng không có số lượng hàng tồn kho đang được phản ánh trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý. Sau khi xác định được nguyên nhân, Công ty đã tiến hành xử lý điều chỉnh hồi tố vào thời điểm xảy ra sai sót đối với khoản mục hàng tồn kho vào Báo cáo tài chính năm 2011 và khoản mục vốn góp bằng công nợ chưa thu tiền vào Báo cáo tài chính năm 2013 và trình bày các ảnh hưởng do hồi tố số liệu tại thời điểm xảy ra sai sót đến số dư các chỉ tiêu bị ảnh hưởng trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Số đã báo cáo 31/12/2017	Số sau điều chỉnh 31/12/2017	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
	TÀI SẢN					
1.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2	33.268.161.015		(33.268.161.015)
	TỔNG CỘNG					**(33.268.161.015)**
	NGUỒN VỐN					
3.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.000.000.000	107.357.080.000	(2.642.920.000)
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,2	(50.189.016.336)	(85.073.171.409)	(34.884.155.073)
	TỔNG CỘNG					**(37.527.075.073)**

(*) Giải thích nguyên nhân điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ các năm trước ảnh hưởng tới số dư tại ngày 31/12/2017:

Ghi chú

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 10A/2018/BBH/HĐQT-CGP của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ ký ngày 17/12/2018 về việc quyết định xử lý "Tài sản thiếu chờ xử lý" (Mã số 139) với số tiền 33.268.161.015 đồng và ghi nhận lại số vốn góp điều lệ theo vốn góp thực tế của Công ty :

(1) Nguyên nhân hàng tồn kho còn giá trị nhưng thực tế kiểm kê không còn đang được ghi nhận ở khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" (Mã số 139) với giá trị 33.268.161.015 đồng như sau:

- Chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2008;2009 là 27.327.629.501 đồng, theo qui định của chuẩn mực kế và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam Công ty phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm tài chính 2008;2009. Nhưng công ty lại phân bổ vào giá thành hàng tồn kho năm 2008;2009;2010;2011 và treo tồn kho cho từ năm 2011 cho đến nay.

- Giá vốn của hàng hóa đã bán trong năm 2008;2009;2010;2011 chưa được ghi nhận hết vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008;2009;2010;2011 vẫn còn treo số dư trên khoản mục hàng tồn kho 5.465.347.969 đồng.

- Giá trị hàng hóa tồn kho còn trên sổ sách nhưng thực tế kiểm kê không còn và không xác định được nguyên nhân chênh lệch với số tiền 475.183.545 đồng.

Do đó Hội đồng Quản trị Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố của ảnh hưởng từ việc ghi nhận lãi vay không đúng qui định hiện hành, ghi nhận thiếu giá vốn và xử lý hàng tồn kho thiếu không rõ nguyên nhân vào Báo cáo tài chính các năm 2008;2009;2010;2011 việc điều chỉnh hồi tố này dẫn tới ảnh hưởng đến số dư trên Bảng cân đối kế toán riêng năm 2017 đã lập như sau:

Nội dung điều chỉnh:	**Số tiền**
Giảm chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421a) số tiền:	33.268.161.015
Giảm chỉ tiêu "Tài sản thiếu chờ xử lý" (mã số 139) số tiền:	33.268.161.015

(2) Nguyên nhân vốn góp điều lệ chưa góp đủ:

Trong năm 2007, Công ty ghi nhận vốn góp của 05 cổ đông với số lượng cổ phần tương ứng 264.292 cổ phần nhưng chưa thu tiền nên phản ánh tăng các khoản phải thu khác số tiền 4.258.914.058 đồng, tăng vốn điều lệ là 2.642.920.000 đồng và tăng thặng dư vốn cổ phần tương ứng là 1.615.994.058 đồng. Khoản thặng dư vốn cổ phần với số tiền 1.615.994.058 đồng cũng đã được Công ty sử dụng chi trực tiếp từ nguồn này vào hoạt động của Công ty cho các năm tài chính trước năm 2013.

Do đó Công ty xác định điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" (mã số 415) đã đối trừ công nợ phải thu khác với 05 cổ đông số tiền 4.258.914.058 đồng chưa góp vốn, giảm chỉ tiêu " Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết" (mã số 411a) tương ứng số tiền 2.642.920.000 đồng, giảm chỉ tiêu "lợi chuận sau thuế chưa phân phối năm trước" (mã số 421a) số tiền 1.615.994.058 đồng (số tiền đã ghi nhận vào khoản thặng dư vốn cổ phần 1.615.994.058 đồng đã được Công ty sử dụng chi trực tiếp từ nguồn này vào hoạt động của Công ty cho các năm tài chính trước năm 2013) trên Bảng cân đối kế toán riêng năm 2017 đã lập như sau:

Nội dung điều chỉnh:	**Số tiền**
Giảm chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" (mã số 415) số tiền:	4.258.914.058
Giảm chỉ tiêu "Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết" (mã số 411a) số tiền:	2.642.920.000
Giảm chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421a) số tiền	1.615.994.058

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
NGUYỄN ANH TUẤN	**HỒ XUÂN BÌNH**	**TRẦN CUNG**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1 CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG, PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU TẠM ỨNG KHÓ ĐÒI

STT	*Mã khách*	*Tên hách hàng*	*Số tiền*	*Tuổi nợ*	*Số tiền trích lập dự phòng năm 2018*	*Số tiền còn lại phải trích lập*
Nhóm khách hàng phải thu						
1	AKHOA	*Phạm Đăng Khoa*	9.752.800	*Trên 3 năm*		*9.752.800*
2	ANHTAI	*Phạm Đức Tài*	7.392.175	*Trên 3 năm*		*7.392.175*
3	APK	Công Ty TNHH DP An Phuc Khang	3.582.893.290	*Trên 3 năm*	*633.330.565*	*2.949.562.725*
4	AUVIET	Nhà Thuốc Âu Việt	149.684.018	*Trên 3 năm*		*149.684.018*
5	CHA	Công Ty CP DP Quận 10 - Cửa Hàng 52	1.732.774.616	*Trên 3 năm*	*290.604.437*	*1.442.170.179*
6	CHQ10	Cửa Hàng Quận 10	277.414.588	*Trên 3 năm*		*277.414.588*
7	CHQ11	Cửa Hàng Quận 11	859.318.468	*Trên 3 năm*	*494.451.120*	*364.867.348*
8	CNCANTHO	Công Ty CPDP Cần Giờ - CN Cần Thơ	7.757.961.694	*Trên 3 năm*	*831.130.828*	*6.926.830.866*
9	CNHANOI	Công Ty CPDP Cần Giờ - CN Hà Nội	677.989.743	*Trên 3 năm*	*438.826.774*	*239.162.969*
10	DUCTIN	Công Ty TNHH Đức Tín	818.621.481	*Trên 3 năm*		*818.621.481*
11	DUCTIN 1	Công Ty TNHH Đức Tín	536.485.039	*Trên 3 năm*		*536.485.039*
12	HOANGDUOC1	Công Ty TNHH Dược Phẩm Hòang Dược	147.139.105	*Trên 3 năm*		*147.139.105*
13	HOANGPHUC	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hoàng Phúc	448.649.000	*Trên 3 năm*		*448.649.000*
14	KHANGTHAI	Công Ty TNHH DP Khang Thái	159.177.899	*Trên 3 năm*		*159.177.899*
15	KIMANH	Kim Anh	7.004.274	*Trên 3 năm*		*7.004.274*
16	MINHKHANG	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Khang	26.871.350	*Trên 3 năm*		*26.871.350*
17	MINHTIN	Nhà Thuốc Minh Tín	142.615.842	*Trên 3 năm*		*142.615.842*
18	MYTRUNG	Công Ty TNHH DP Và Mỹ Phẩm Mỹ Trung	9.356.171.690	*Trên 3 năm*	*580.379.545*	*8.775.792.145*
19	NAMNGUYEN	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Nam Nguyễn	31.088.000	*Trên 3 năm*		*31.088.000*
20	NNGUYEN	Vĩnh Như Nguyện	12.269.211	*Trên 3 năm*		*12.269.211*
21	NTTHANHLIEM	Nhà Thuốc Thanh Liêm	151.355.070	*Trên 3 năm*		*151.355.070*
22	NTXUANDONG	Nhà Thuốc Xuân Đồng	165.558.873	*Trên 3 năm*		*165.558.873*
23	PHUOCLAM	Nhà Thuốc Phước Lâm	82.127.141	*Trên 3 năm*		*82.127.141*
24	THIENDAN	Công Ty TNHH TM DP Quốc Tế Thiên Đan	1.867.753.600	*Trên 3 năm*		*1.867.753.600*
25	TRUNGPHAN	Công Ty CP Dược Phẩm Trung Phần C.G	6.104.779.448	*Trên 3 năm*		*6.104.779.448*
26	VAN	Trần Thiện Văn	116.548.950	*Trên 3 năm*		*116.548.950*
27	VIET	Công Ty TNHH Dược Phẩm Việt	16.532.444.881	*Trên 3 năm*	*2.538.617.078*	*13.993.827.803*

28	VIETPHONG	Công Ty TNHH Dược Phẩm Việt Phong	672.392.946	*Trên 3 năm*		*672.392.946*
29	YTEHANOI	Công Ty CPDP & DV Vật Tư Ytế Hà Nội	889.045.131	*Trên 3 năm*		*889.045.131*
30	PHUCGHI	Công ty TNHH Phúc Nghi	1.430.403.499	*Trên 3 năm*	*1.430.403.499*	
31	MINHHUONG	Quầy Minh Hương	96.831.202	*Trên 3 năm*	*96.831.202*	
32	DPDALAM	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Đà Lâm	109.489.415	*Trên 3 năm*	*109.489.415*	
33	TRUNGPHANMOI	Công Ty CP Dược Phẩm Trung Phần C.G	264.884.612	*Trên 2 năm*	*264.884.612*	
34	CONGHUNG	Nguyễn Công Hùng	201.776.328	*Trên 3 năm*	*201.776.328*	
35	DPTL	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tây Ninh	68.906.569	*Trên 3 năm*	*68.906.569*	
36	DPVH	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hưng	65.825.413	*Trên 3 năm*	*65.825.413*	
37	PBL	Công Ty TNHH TM Phú Bảo Long	3.568.665	*Trên 3 năm*	*3.568.665*	
38	DPKP	Công Ty CP Dược Phẩm Kỳ Phương	12.075.000	*Trên 3 năm*	*12.075.000*	
		Cộng	**55.577.041.026**		**8.061.101.050**	**47.515.939.976**
Nhóm khách hàng phải thu khác ngắn hạn						
1	GELTEC	Geltech Co. Ltd	65.523.447	*Trên 3 năm*		*65.523.447*
2	LYKA	Lyka Labs,Ltd	1.989.592.240	*Trên 3 năm*		*1.989.592.240*
3	PHUOCTHO	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Phước Thọ	369.711.748	*Trên 3 năm*		*369.711.748*
4	VS	Vs Inter	135.130.651	*Trên 3 năm*		*135.130.651*
5	VANBINH	Huỳnh Văn Bình	669.000.000	*Trên 3 năm*	*669.000.000*	
6	LXKIEN	Lê Xuân Kiên	123.193.900	*Trên 3 năm*	*123.193.900*	
		Cộng	**3.352.151.986**		**792.193.900**	**2.559.958.086**
Nhóm khách hàng phải thu khác dài hạn						
1	QUYKHENTHUONG	Quỹ Khen Thưởng	1.791.082.857	*Trên 3 năm*		*1.791.082.857*
		Cộng	**1.791.082.857**			**1.791.082.857**
Nhóm phải thu tạm ứng						
1	BTHAO	Trần Thị Bích Thảo	26.795.050	*Trên 3 năm*		*26.795.050*
2	DANHTX	Nguyễn Ngọc Danh	6.000.000	*Trên 3 năm*		*6.000.000*
3	TIN	Võ Bá Tin	15.253.277	*Trên 3 năm*		*15.253.277*
		Cộng	**48.048.327**			**48.048.327**
		Tổng cộng	**60.768.324.196**		**8.853.294.950**	**51.915.029.246**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN ANH TUẤN	HỒ XUÂN BÌNH	TRẦN CUNG